**TIẾNG VIỆT**

**(Tiết 3)**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ TRÁI NGHĨA. CÂU KHIẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Nhận biết được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau và tìm được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý.Đặt câu khiến phù hợp tình huống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, phiếu bài tập, bảng nhóm…

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.- Cách tiến hành: |
| - GV khởi động bài học qua bài hát: Cả nhà thương nhau.- Trong bài hát có câu hát: “Xa là nhớ, gần nhau là cười”. Có từ nào chỉ đặc điểm? - GV nhận xét, tuyên dương.=> Giáo viên dẫn dắt vào bài mới: Từ trái nghĩa. Câu khiến. | - HS lắng nghe và hát.- HS trả lời: xa- gần.- HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.* |
|  **Hoạt động 1: Tìm những từ có nghĩa trái ngược nhau** (làm việc cá nhân, nhóm 2)**a. Mục tiêu:** Nhận biết từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.**b. Cách thức tiến hành:**GV chuẩn bị các thẻ từ để tổ chức HĐ học tập tìm từ có nghĩa trái ngược nhau.- GV mời cầu HS đọc đề bài 1.*Tìm trong những từ dưới đây các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.*- Yêu cầu của bài 1 là gì?- Dán từ ***“vui”*** lên bảng, yêu cầu HS tìm từ có nghĩa trái ngược với từ ***“vui”.***- Mời 2 em lên thể hiện nét mặt vui và buồn.- Giao nhiệm vụ cho HS làm vào vở BT, trao đổi kết quả nhóm 2. Mời 2 cặp lên tìm từ và gắn các thẻ hoa trên bảng có nghĩa trái ngược nhau.- Mời đại diện 2 nhóm trình bày. - Mời HS dưới lớp nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét, chốt đáp án: ***đẹp – xấu, nóng – lạnh, lớn – bé.***- GV kết luận: Đây là những cặp từ có nghĩa trái ngược nhau còn được gọi là từ trái nghĩa.- Vậy em hiểu thế nào là từ trái nghĩa?- Mời 1,2 em nhắc lại.- GV hỏi HS: *Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau các em vừa tìm ở bài tập 1 là từ chỉ sự vật, hoạt động hay đặc điểm?*.- Giáo viên tuyên dương, nhận xét.**Hoạt động 2: Tìm từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau** (làm việc nhóm 6)**a. Mục tiêu:** Tìm được những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý.**b. Cách thức tiến hành:**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2: *Tìm thêm 3 – 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.*- Yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết nội dung tranh gợi nhớ tới câu chuyện nào?- Dựa vào đặc điểm của Rùa và Thỏ cho biết: Rùa chạy như thế nào? Thỏ chạy ra sao?- Tìm cặp từ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào đặc điểm của Rùa và Thỏ?- GV giải thích: *Hai từ* ***nhanh - chậm*** *gắn với câu chuyện về cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ.* - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 6, tìm từ ngữ viết vào thẻ đính lên bảng nhóm.- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.- Mời HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.-Yêu cầu HS đặt câu với một cặp từ vừa tìm được.- Yêu cầu HS nhắc lại thế nào là từ trái nghĩa?**Hoạt động 3: Đặt câu khiến** (làm việc nhóm)**a. Mục tiêu:** Đặt được câu khiến phù hợp tình huống.**b. Cách thức tiến hành:**- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: *Đọc lại câu chuyện* ***Đi tìm mặt trời****, đặt câu khiến trong tình huống sau:**a. Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích chòe đi tìm mặt trời.**b. Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.*- Bài 3 có mấy yêu cầu? - GV mời 1 HS đọc, cả lớp nhìn vào sách đọc thầm theo: *Đọc lại câu chuyện* ***Đi tìm mặt trời***- GV yêu cầu HS nhắc lại: Câu khiến được sủa dụng để làm gì?- GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm, HS thực hiện đóng vai thành gõ kiến, gà trống để đặt câu khiến theo tình huống trong bài.- GV mời 2 nhóm trình bày.- GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt một vài đáp án:**a. *Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích choè đi tìm mặt trời.***VD: *Công ơi, công đi tìm mặt trời giúp cư dân trong cánh rừng của chúng ta nhé./ Công ơi, hãy tìm mặt trời cứu cư dân trong rừng nhé./ Công hãy tìm mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng của chúng ta nhé./,...***b. *Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.***VD: *Thưa mặt trời, mong ông hãy chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt, cứu giúp muôn loài./,...*- GV chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học và yêu cầu HS nhắc lại (từ có nghĩa trái ngược nhau và câu khiến nêu yêu cầu, đề nghị).- GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực | - 1 HS đọc đề bài 1.- HS trả lời.- HS tìm và trả lời : *“buồn”*-2 HS lên thể hiện. Cả lớp quan sát, nhận xét.- HS làm việc cá nhân, trao đổi nhóm 2. 2 cặp lên bảng tìm từ và gắn lên bảng.- Đại diện nhóm trình bày.- HS nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS trả lời: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau. - HS nhắc lại.- HS trả lời: *Đều là các từ chỉ đặc điểm.*- HS lắng nghe.- 1 HS đọc đề bài tập 2.- HS trả lời: Câu chuyện Rùa và Thỏ.- HS trình bày.- HS trả lời: *nhanh- chậm*- HS lắng nghe-HS thảo luận nhóm 6, tìm từ ngữ.- Đại diện nhóm trình bày kết quả.- HS nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe.- HS đặt câu.- HS nhắc lại.- HS đọc yêu đề bài tập 3.- 2 yêu cầu: Đọc lại câu chuyện Đi tìm mặt trời và Đặt câu khiến trong mỗi tình huống.- 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.- HS trả lời.- Các nhóm làm việc theo yêu cầu.- Các nhóm trình bày kết quả trước lớp.- Các nhóm nhận xét.- HS theo dõi - HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức và nhắc lại.- HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức chơi trò chơi: “***Gắp thú gọi tên”***- GV nêu luật chơi và cho học sinh tham gia.- GV nhận xét tuyên dương.- Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS lắng nghe và tham gia trò chơi.- HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |